

Số: /SNNMT-CCTNN
V/v triển khai các văn bản pháp luật và nhiệm vụ
quản lý nhà nước về tài nguyên nước

Cao Bằng, ngày tháng 3 năm 2026

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các xã, phường;
- Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh¹.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 718/BNNMT-TNN ngày 22/01/2026 về việc triển khai văn bản pháp luật và nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước; Công văn số 202/TNN-ĐNB ngày 23/01/2026 của Cục quản lý Tài nguyên nước về việc triển khai văn bản pháp luật và nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước; công văn số 395/VP-KT ngày 23/01/2026 của Văn phòng UBND tỉnh về việc triển khai văn bản pháp luật và nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

Ngày 11/12/2025, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (sau đây gọi chung là **Luật số 146**), trong đó có sửa đổi Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15; Ngày 17/01/2026 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước (sau đây gọi chung là **Nghị định số 23**) và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều các thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước (sau đây gọi chung là **Thông tư số 06**).

Để đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, nhất là một số nội dung mới được bổ sung, sửa đổi trong Luật số 146, Nghị định số 23 và Thông tư số 06 đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các Sở, Ban, ngành, đoàn thể; UBND các xã, phường; Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, thực hiện một số nội dung sau:

1. Nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện truyền thông hoặc các hình thức phù hợp khác để bảo đảm thực hiện đầy đủ, chính xác các quy định của pháp luật về tài nguyên nước trên địa

¹ Có danh sách các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng gửi kèm theo.

bản tỉnh, đặc biệt là một số Văn bản mới ban hành như Luật số 146, Nghị định số 23 và Thông tư số 06. Trong đó, lưu ý một số nội dung mới như sau:

1.1. Một số quy định sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên nước trong Luật số 146:

- Bãi bỏ các quy định về thời hạn của giấy phép, nguyên tắc, căn cứ, điều kiện cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong Luật Tài nguyên nước và **giao Chính phủ quy định chi tiết** việc kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước (khoản 7 Điều 10).

- Bổ sung quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng, vận hành mạng quan trắc tài nguyên nước đối với các nguồn nước mặt nội tỉnh, **nguồn nước dưới đất** trên địa bàn tỉnh. Việc xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước phải thực hiện theo quy hoạch tỉnh (khoản 6 Điều 10).

- Bổ sung quy định **giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** xác định và tổ chức việc công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và **giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình** khai thác nước chủ trì, phối hợp với các tỉnh có liên quan công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình đối với trường hợp vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt nằm **trên địa bàn hai tỉnh trở lên** (khoản 4 Điều 10).

1.2. Một số quy định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ trong Nghị định số 23:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về giới hạn mực nước cho phép để xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong đó bổ sung quy định cơ quan có **thẩm quyền cấp phép quyết định** mực nước động lớn nhất cho phép quy định trong giấy phép khai thác nước dưới đất và chỉ quy định các địa phương ở đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long mực nước động lớn nhất cho phép không được vượt quá giới hạn theo quy định của Nghị định (khoản 18 Điều 1).

- Sửa đổi thẩm quyền chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước (**từ Chủ tịch UBND tỉnh về Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường**) đối với các dự án có hoạt động chuyển nước ra khỏi lưu vực sông mà ảnh hưởng đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và đời sống của nhân dân thuộc địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố hoặc 02 quốc gia trở lên (khoản 23 Điều 1).

- Sửa đổi quy định về việc lập danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp (khoản 29 Điều 1). Trong đó, quy định trường hợp hồ, ao, đầm, phá nằm trên địa bàn hai tỉnh trở lên thì việc lập, công bố **được thực hiện trên địa bàn từng tỉnh**; bổ sung quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh **đối với việc**

được xem xét, quyết định việc thu hẹp hoặc lấn hồ, ao, đầm, phá thuộc danh mục không được san lấp (khoản 30 Điều 1).

1.3. Một số quy định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ trong Nghị định số 23:

- Bổ sung một số trường hợp **không phải kê khai, cấp phép khai thác tài nguyên nước và đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước** (khai thác nước cho các hoạt động lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan đến lâm nghiệp; thi công xây dựng công trình đối với hồ chứa, đập dâng, công trình thủy lợi) (khoản 4 Điều 2).

- Bổ sung các quy định về nguyên tắc, căn cứ, điều kiện cấp giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước được giao tại khoản 7 Điều 10 của Luật số 146 (các khoản 7, 8 và 9 Điều 2).

- Tiếp tục phân cấp **thẩm quyền cấp phép về địa phương** đối với một số trường hợp (*khai thác nước cho thủy điện đến dưới 30.000 kw; Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt có quy mô từ 5 m³/s trở lên và có dung tích toàn bộ từ 5 triệu m³ đến dưới 20 triệu m³...*) (khoản 12 Điều 2).

- Giao thẩm quyền **xác nhận đăng ký khai thác nước mặt, đăng ký sử dụng mặt nước** cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh, trong đó có sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất, nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước (khoản 19 Điều 2).

- Sửa đổi quy định về cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất, trong đó **không quy định quy mô hành nghề** và giao thẩm quyền cấp phép cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 22 Điều 2).

- Bổ sung quy định rõ trường hợp miễn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (khai thác nước để cấp cho sinh hoạt của người dân khu vực biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn) tại khoản 27 Điều 2.

- Sửa đổi thẩm quyền phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, trong đó quy định **thẩm quyền phê duyệt tiền cấp quyền** khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác tài nguyên nước (khoản 31 Điều 2).

* Ngoài ra, Nghị định số 23 đã cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện, nội dung, thành phần hồ sơ², biểu mẫu, thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, tạm dừng hiệu lực giấy phép, chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên

² Bộ quy định về sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác và kết quả phân tích chất lượng nước trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn giấy phép khai thác tài nguyên nước

nước, Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất tại các khoản 13, 14, 15, 16, 17, 21, 22, 23, 24, 25, và 26 Điều 2.

1.4. Một số quy định sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06:

- Bổ sung quy định **rõ đối tượng** phải xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt là **công trình khai thác tài nguyên nước để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt** thuộc trường hợp phải cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước quy định tại Điều 2 Thông tư số 06.

- Sửa đổi về trình tự xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, trong đó đối với công trình khai thác nước thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch UBND tỉnh thì việc xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh **được thực hiện trong quá trình thẩm định hồ sơ** đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đồng thời với trình cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước (Điều 2).

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về nguyên tắc kiểm tra, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, tiến hành kiểm tra, gia hạn thời gian kiểm tra, kết thúc kiểm tra, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra và một số biểu mẫu.., để phù hợp với Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

2. UBND các xã, phường tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn khẩn trương rà soát, hướng dẫn, đôn đốc yêu cầu các tổ chức, cá nhân trên địa bàn có hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất thuộc trường hợp phải đăng ký, cấp giấy phép nhưng chưa đăng ký, cấp giấy phép hoặc phải kê khai, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước nhưng chưa kê khai, điều chỉnh tiền cấp quyền thực hiện đăng ký khai thác tài nguyên nước, nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, hồ sơ tính tiền cấp quyền tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật (*bao gồm cả khai thác nước phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn*) nhằm đảm bảo tính nghiêm minh, bình đẳng của pháp luật, tránh việc vi phạm dẫn tới bị xử phạt, đặc biệt đối với trường hợp không có giấy phép có thể sẽ bị truy thu số lợi bất hợp pháp và bị xử lý theo quy định của Bộ luật Hình sự và pháp luật về tài nguyên nước, trong đó lưu ý:

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức việc kê khai khai thác nước dưới đất của hộ gia đình được thực hiện **từ ngày 01/7/2026** (khoản 4 Điều 85 Luật Tài nguyên nước).

- Đối với trường hợp công trình thủy lợi đã xây dựng và khai thác trước ngày 01/01/2013 mà chưa được đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước trước ngày 01/7/2024 thì phải hoàn thành thủ tục đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước **chậm nhất là ngày 30/6/2027** (Khoản 6 Điều 86 Luật Tài

nguyên nước).

- Đối với việc sử dụng mặt nước và đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan phải được đăng ký sử dụng tài nguyên nước (khoản 5 Điều 52 Luật Tài nguyên nước và Điều 8 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP) cần được tổ chức, triển khai đồng bộ. Trong đó, đối với các đối tượng thực hiện trước ngày 01/7/2024 thì phải hoàn thành **trước ngày 30/6/2026** (Khoản 8 Điều 86 Luật Tài nguyên nước).

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn; trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

3. Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh: Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất. Thực hiện nghiêm túc việc báo cáo định kỳ tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, đảm bảo đầy đủ nội dung và thời hạn theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, nếu có khó khăn, vướng mắc đề Quý cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Báo và Đài PTTH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, CCTNN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Công Doanh

DANH SÁCH

CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

TT	TÊN CHỦ GIẤY PHÉP	ĐỊA CHỈ
1	C.ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng	Đường Tân An, phường Tân Giang, CB
2	C.ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng	Tổ 9, phường Tân Giang, CB
3	C.ty Điện lực Cao Bằng	Phường Nùng Trí Cao, CB
4	C.ty CP Đầu tư phát triển Bắc Minh	số 20 Trần Nguyên Hãn, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
5	C.ty cổ phần Gang thép Cao Bằng	km7, phường Tân Giang, CB
6	Trung tâm Quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng khu kinh tế	Số nhà 058, phố Hồng Việt, phường Thục Phán, CB
7	C.ty Cổ phần Khoáng sản Tây Giang Cao Bằng	Km7, xã Nguyễn Huệ, CB
8	Đoàn kinh tế quốc phòng 799	Xã Cô Ba, tỉnh Cao Bằng
9	C.ty cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Thôn Hát Thín, xã Nguyễn Huệ, CB
10	Doanh nghiệp tư nhân xây lắp điện Tuyến Nga	Số 27, ngõ 136, phố Hiến Giang, phường Thục Phán, CB
11	C.ty cổ phần Khánh Hạ	Tổ 5, phường Nùng Trí, CB
12	C.ty TNHH Cấp thoát nước TT Bảo Lạc	Tổ 7, xã Bảo Lạc, CB
13	C.ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng	Phố Kim Đồng, phường Thục Phán, CB
14	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng	Tầng 4, 5 trụ sở Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Cao Bằng, Khu trung tâm hành chính đô thị, km5, phường Thục Phán, CB
15	C.ty TNHH Xuất nhập khẩu Thuận Hưng Phát	Tổ dân phố Hưng Long, xã Phục Hòa, CB
16	Công ty CP Khoáng sản và luyện kim Cao Bằng	số 52, phố Kim Đồng, phường Thục Phán, CB
17	C.ty TNHH MTV máy và dịch vụ nông nghiệp Sơn Hà	Tổ dân phố Hưng Long, xã Phục Hòa, CB
18	C.ty TNHH CKC	Xóm Lạng Cá, xã Bảo Lâm, CB
19	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng	Khu trung tâm hành chính đô thị, km5, phường Thục Phán, CB
20	Ban quản lý dự án BIIG1 tỉnh Cao Bằng	Trung tâm hành chính tỉnh Cao Bằng, phường Thục Phán, CB
21	HTX dịch vụ thương mại và xây dựng nông lâm nghiệp Hòa Thuận	Phố Phục Hòa, xã Phục Hòa, CB
22	C.ty TNHH MTV Tân Sơn Khánh	Xã Đàm Thủy, CB
23	C.ty cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Bằng	Số 26, phố Kim Đồng, phường Thục Phán, CB

24	C.ty cổ phần Mía đường Cao Bằng	Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hoà, CB
25	Công ty Cổ phần thủy điện Bạch Đằng	Khu tái định cư Bắc Phú Cát, Thôn 1, xã Hoà Lạc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam